

**BÁO CÁO**  
**Công tác phòng, chống HIV/AIDS năm 2018**  
**và nhiệm vụ công tác năm 2019 trên địa bàn thành phố**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ

Thực hiện Kế hoạch số 446/KH-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc tổ chức kỳ họp thứ 10 Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, nhiệm kỳ 2016 - 2021, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS năm 2018 và nhiệm vụ công tác năm 2019 như sau:

**PHẦN A. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS NĂM 2018**

**I. SỐ LIỆU HIV/AIDS**

1. Đến ngày 31 tháng 10 năm 2018, tổng số người nhiễm HIV phát hiện được là 6.052 người, trong đó tử vong 2.442 người, số người còn sống là 3.610 người (trong 3.610 người còn sống chỉ quản lý được 3.162 người, 448 người còn lại có làm xét nghiệm HIV kết quả dương tính nhưng khi kiểm tra thực tế thì địa chỉ hoặc tên không đúng với khai báo ban đầu). Số nhiễm HIV còn sống trên 100.000 dân của thành phố là 280, trong đó quận Ninh Kiều có tỷ lệ cao nhất: 518, tiếp đến là quận Cái Răng: 372 và quận Thốt Nốt: 332.

2. Trong 10 tháng đầu năm 2018, phát hiện mới 183 người, chuyển sang AIDS 42 người và tử vong 30 người. So với cùng kỳ năm 2017, số người nhiễm HIV giảm 23 người, chuyển sang AIDS giảm 41 người, tử vong giảm 29 người (*Phụ lục 1a, 1b*).

3. Ước tính đến 31 tháng 12 năm 2018, tổng số người nhiễm HIV qua xét nghiệm phát hiện được là 6.091 người, trong đó tử vong 2.452 người, số người nhiễm HIV còn sống là 3.639 người (trong số 3639 người còn sống quản lý được 3191 người và 448 người chưa xác định do tên hoặc địa chỉ thực tế không đúng với khai báo ban đầu). Ước tính năm 2018, số người nhiễm HIV phát hiện mới là 212 người, số chuyển sang AIDS 52 người và số tử vong là 35 người.

**II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU 90-90-90**

**1. Mục tiêu 90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm của bản thân**

a) Theo ước tính của Cục Phòng, chống HIV/AIDS số người nhiễm HIV hiện còn sống trên địa bàn thành phố khoảng 4.543 người. Đến ngày 31 tháng 10

năm 2018, số người nhiễm phát hiện được còn sống là 3.610 người, với mục tiêu này thành phố đã đạt được 79,5%, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm 2017.

b) Ước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm của bản thân là 3725 người, đạt 82%.

### **2. Mục tiêu 90% người chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị ARV**

a) Tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2018, có 2.730 người nhiễm HIV/AIDS đang điều trị ARV, trong đó có 2.249 là người trong thành phố, với mục tiêu này thành phố đạt được  $2.730/3.680 = 74,2\%$  (3.680 là số ước tính bệnh nhân cần được điều trị ARV), tăng 15,5% so với cùng kỳ năm 2017.

b) Ước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tỷ lệ người được chẩn đoán nhiễm HIV điều trị ARV là 2.834 người, đạt 77%.

### **3. Mục tiêu 90% người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng lây truyền**

a) Do số liệu này phải thu thập sau 12 tháng điều trị của bệnh nhân nên sẽ báo cáo vào thời điểm cuối năm. Năm 2017 đạt 96% người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng lây truyền.

b) Ước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tất cả bệnh nhân điều trị ARV sau 12 tháng sẽ được xét nghiệm với kết quả 96% có tải lượng vi rút dưới ngưỡng lây truyền.

*(Phụ lục 2)*

### **4. Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu 90 – 90 – 90**

a) Mục tiêu 3 đã đạt được, riêng mục tiêu 1 và 2 tuy chưa đạt nhưng đều vượt so với cùng kỳ năm 2017, đặc biệt là mục tiêu 2 tăng 15,5% do có sự mở rộng tiêu chuẩn điều trị cho người nhiễm HIV/AIDS, Ngành Y tế tích cực rà soát người nhiễm HIV/AIDS tại cộng đồng và đưa vào điều trị và sự hỗ trợ mua thẻ bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV/AIDS theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV/AIDS và phụ nữ mại dâm hoàn lương.

b) Mục tiêu 1 tăng chậm là do mẫu số (4.543 người bị nhiễm HIV) là số ước tính, phương pháp ước tính này vẫn đang được Cục Phòng, chống HIV/AIDS điều chỉnh hàng năm để phù hợp với tình hình dịch HIV từng tỉnh, thành phố.

## **III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS**

### **1. Công tác chỉ đạo**

#### **a) Ủy ban nhân dân thành phố**

- Chỉ đạo thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2018 tại thành phố Cần Thơ;

- Giao chỉ tiêu điều trị Methadone năm 2018, đồng thời chỉ đạo chặt chẽ việc tăng cường điều trị Methadone. Chỉ đạo tổ chức thực hiện điều trị Methadone cho học viên cai nghiện tại các cơ sở cai nghiện;

- Chỉ đạo Ngành Y tế xây dựng và triển khai Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS thành phố năm 2018 theo hướng dẫn của Ủy ban quốc gia phòng chống AIDS và phòng chống tệ nạn ma túy, mại dâm;

- Ban hành Kế hoạch 3492/KH-BCĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Ban chỉ đạo 138 thành phố về tổ chức Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2018.

- Giao Ngành Y tế và Sở Tài chính tổ chức thực hiện các hoạt động theo kinh phí được phê duyệt của năm 2018 cho Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” của thành phố, kiểm tra việc thanh quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

**b) Sở Y tế (cơ quan thường trực về phòng, chống HIV/AIDS)**

- Ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống HIV/AIDS thành phố năm 2018; Kế hoạch Giám sát trọng điểm HIV và các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục; Kế hoạch “Giảm kỳ thị và phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS” tại cơ sở y tế; Kế hoạch giám sát hỗ trợ triển khai thực hiện Tháng cao điểm Phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con năm 2018;

- Mua và cấp thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) cho người nhiễm HIV/AIDS đủ điều kiện theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân thành phố; Công văn hướng dẫn khám chữa bệnh HIV/AIDS qua bảo hiểm y tế theo Quyết định số 5418/QĐ-BYT ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Bộ Y tế.

- Phê duyệt danh sách nhân viên tiếp cận cộng đồng; cộng tác viên xã, phường; danh sách xã, phường trọng điểm về HIV/AIDS năm 2018;

- Chỉ đạo việc giám sát và hỗ trợ chương trình phòng chống HIV/AIDS, cơ sở điều trị Methadone trên địa bàn.

**2. Kết quả triển khai chương trình phòng, chống HIV/AIDS**

**a) Về thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi**

- Duy trì hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Phối hợp với Hội Phòng, chống HIV/AIDS Cần Thơ thăm và tặng quà cho 15 trẻ nhiễm HIV/AIDS có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức 9 lớp đào tạo nâng cao năng lực cho 218 cộng tác viên và tình nguyện viên xã, phường, thị trấn; 14 lớp tập huấn giảm kỳ thị phân biệt đối xử liên quan đến HIV/AIDS tại cơ sở y tế với 420 cán bộ y tế tham dự; 2 lớp đào tạo cộng tác viên truyền thông phòng, chống HIV/AIDS cho 80 sinh viên nòng cốt tại Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật, Trường Cao đẳng Nghề; 18 đào tạo cộng tác viên nòng cốt về tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS cho 720 giáo viên cấp II và III trên địa bàn;

- Truyền thông trực tiếp cho 55.122 lượt người tại cộng đồng dân cư và 40.733 lượt người thuộc các nhóm nguy cơ cao (nghiện chích ma túy, phụ nữ mại dâm, nam quan hệ tình dục đồng giới, dân di biến động,...).

- Triển khai thực hiện Tháng cao điểm phòng lây truyền HIV/AIDS từ mẹ sang con và Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS.

**b) Về can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV**

- Ngành Y tế thực hiện can thiệp giảm hại cho các nhóm phụ nữ mại dâm (viết tắt là PNMD), nghiện chích ma túy (viết tắt là NCMT) và đồng tính nam (viết tắt là MSM); phân phát 150.579 bơm kim tiêm sạch, thu nhặt tiêu hủy 119.632 bơm kim tiêm bẩn. Phân phát 150.579 chiếc bao cao su miễn phí cho các đối tượng nguy cơ cao như phụ nữ mại dâm, người nghiện chích ma túy, nam tình dục đồng giới, người nhiễm HIV và bạn tình của họ. Tiếp thị xã hội

9.858 chiếc bao cao su thông qua mạng lưới nhân viên tiếp cận cộng đồng và cộng tác viên phòng, chống HIV/AIDS tại phường, xã.

- Năm 2018, thành phố giao chỉ tiêu điều trị Methadone cho các quận, huyện là 600 người. Trong 10 tháng đầu năm 2018, tiếp nhận và khởi liệu điều trị Methadone cho 49 người (trong đó 27 người điều trị mới, 22 điều trị lại); có 98 người ra khỏi chương trình (trong đó tự ý bỏ trị 55, bị bắt 19, tự xin ra khỏi chương trình 12, thiếu kiên nhẫn 09, rối loạn tâm thần 02, nằm viện 01) chuyển tỉnh khác 08 và tử vong 04 người. Đến ngày 31 tháng 10 năm 2018, toàn thành phố có 411 người đang được điều trị, đạt 68,5% chỉ tiêu cả năm. Ước tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 toàn thành phố phần đầu có 510 người duy trì điều trị, đạt 85% chỉ tiêu cả năm (*Phụ lục 3*).

#### **c) Về giám sát HIV/AIDS và tư vấn xét nghiệm**

- Tổ chức 01 cuộc điều tra, thu thập số liệu và thông tin đối tượng nguy cơ trên địa bàn, ước tính toàn thành phố hiện có khoảng 1.480 MSM; 2.698 người nghiện ma túy, trong đó có 1.089 người sử dụng heroin bằng tiêm chích; 1.796 tiếp viên nhà hàng và 40 mại dâm đường phố;

- Tổ chức 03 lớp tập huấn tư vấn xét nghiệm sàng lọc HIV cho 90 học viên là nhân viên xét nghiệm tại các phòng xét nghiệm HIV tại Trung tâm Y tế quận, huyện.

- Đến ngày 31 tháng 10 năm 2018, toàn thành phố đã thực hiện xét nghiệm sàng lọc 154.992 mẫu HIV. Kết quả có 661 mẫu được khẳng định dương tính (chiếm tỷ lệ 0,42%). Thực hiện tư vấn xét nghiệm cho 12.752 khách hàng tại các phòng tư vấn xét nghiệm HIV tự nguyện, phát hiện 295 trường hợp khẳng định HIV dương tính (chiếm tỷ lệ 2,31%)

#### **d) Về điều trị HIV/AIDS**

- Thực hiện chăm sóc và điều trị HIV/AIDS tại 06 phòng khám ngoại trú người lớn, 01 phòng khám ngoại trú nhi. Trong 10 tháng đầu năm 2018 có 310 bệnh nhân được điều trị ARV. Tổng số người nhiễm HIV đang được điều trị ARV là 2.730 người (trong đó có 125 trẻ em được điều trị tại Bệnh viện Nhi đồng và Bệnh viện khác) bao gồm 2.249 bệnh nhân trong thành phố và 481 bệnh nhân ngoài thành phố (*Phụ lục 4*).

- Hiện tại 7/7 phòng khám HIV đã khám và thanh toán qua bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV gồm các chi phí như: công khám, xét nghiệm cơ bản; ngoài ra còn phối hợp với tư vấn điều trị ARV tư vấn về bảo hiểm y tế cho người nhiễm HIV.

#### **đ) Chương trình dự phòng lây nhiễm HIV từ mẹ sang con (PLTMC)**

Tư vấn xét nghiệm HIV cho 12.661/13.074 phụ nữ mang thai (PNMT), đạt 96,8%, phát hiện 21 trường hợp HIV dương tính mới và 45 trường hợp phụ nữ nhiễm HIV đang điều trị ARV mang thai. Điều trị PLTMC cho 62 trường hợp phụ nữ mang thai nhiễm HIV (04 trường hợp không điều trị do phát hiện quá muộn); 35 trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được uống thuốc dự phòng, 27 phụ nữ mang thai nhiễm HIV chưa sinh tiếp tục được theo dõi. Xét nghiệm PCR cho 21 trẻ phơi nhiễm với HIV, kết quả không có trường hợp dương tính với HIV.

#### **e) Tình hình huy động kinh phí**

- Năm 2018 kinh phí huy động được là 15 tỷ 413 triệu đồng, trong đó ngân sách địa phương đã cấp 9 tỷ 378 triệu đồng, kinh phí Trung ương cấp từ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số là 600 triệu đồng, hỗ trợ từ các dự án là 4 tỷ 739 triệu đồng và các nguồn khác là 695 triệu (*Phụ lục 5*).

- Kết quả thanh quyết toán kinh phí của đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020” của thành phố luôn đạt cao từ năm 2014 – 2018 từ 98,7% - 100%, được chi theo phê duyệt phân bổ ngân sách địa phương qua thẩm định của Sở Tài chính và Kho bạc thành phố (*Phụ lục 6*).

Riêng năm 2018, tỷ lệ thanh quyết toán chỉ mới đạt 59,6%, do vướng các định mức chi thường xuyên cho nhân sự, hoạt động truyền thông và đấu thầu mua sắm vật tư, sinh phẩm xét nghiệm liên quan đến HIV/AIDS. Dự kiến đến cuối năm 2018 sẽ giải ngân trên 90%.

### **3. Những mặt làm được, chưa được và khó khăn**

#### **a) Mặt làm được**

- Số người nhiễm HIV mới, số người chuyển sang AIDS và số người tử vong do HIV/AIDS đều giảm so với cùng kỳ năm 2017. Tiếp tục duy trì tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư dưới 0,4%.

- Công tác xây dựng kế hoạch hoạt động phòng, chống HIV/AIDS được chủ động và triển khai hoạt động ngay từ đầu năm, các hoạt động tiếp cận cộng đồng nhóm nguy cơ cao tiếp tục được duy trì và đảm bảo chất lượng.

- Hệ thống các cơ sở cung cấp dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS được bao phủ từ tuyến thành phố đến cơ sở đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tiếp cận dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS. Kinh nghiệm và trình độ chuyên môn của đội ngũ thực hiện công tác phòng, chống HIV/AIDS được nâng lên đảm bảo đáp ứng được yêu cầu các hoạt động từ tuyến thành phố đến phường, xã.

#### **b) Mặt chưa làm được và khó khăn**

- Điều trị HIV/AIDS bằng BHYT: công tác vận động người nhiễm HIV tham gia BHYT gặp khó khăn do người nhiễm HIV sợ bị lộ thông tin cá nhân.

- Về chương trình điều trị Methadone: số trường hợp đăng ký điều trị mới và điều trị lại vẫn còn thấp; người sử dụng heroin chuyển sang sử dụng ma túy tổng hợp có xu hướng gia tăng dẫn đến giảm số người tham gia điều trị Methadone.

## **PHẦN B. NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2019**

### **I. MỤC TIÊU**

**1.** Tiếp tục giảm số người nhiễm HIV, số mắc AIDS và số người tử vong do HIV/AIDS, duy trì tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư dưới 0,4%.

**2.** Tiếp tục triển khai và thực hiện hiệu quả các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS nhằm hướng tới mục tiêu 90-90-90 vào năm 2020 để kết thúc dịch AIDS vào năm 2030. Cụ thể: Mục tiêu 90-90-90:

a) 90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm HIV của mình.

b) 90% người chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị bằng thuốc kháng vi rút.

c) 90% người nhiễm HIV đã được điều trị bằng thuốc kháng vi rút kiểm soát được số lượng vi rút ở mức thấp.

## **II. CÁC HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM**

### **1. Công tác chỉ đạo**

a) Tiếp tục kiện toàn hệ thống và mạng lưới phòng, chống HIV/AIDS của thành phố, các cơ sở điều trị HIV/AIDS, tạo điều kiện thuận lợi cho bệnh nhân HIV/AIDS được điều trị HIV/AIDS và khám chữa bệnh BHYT.

b) Tiếp tục thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020”. Điều phối, triển khai thực hiện và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, trang thiết bị.

c) Đa dạng hóa các hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS góp phần nâng cao hiểu biết về HIV/AIDS và giảm bớt kỳ thị đối với nhiễm HIV/AIDS trong cộng đồng dân cư và trong các nhóm nguy cơ cao.

d) Đẩy mạnh các hoạt động dự phòng và can thiệp giảm hại như cung cấp bơm kim tiêm và bao cao su, duy trì đặt bao cao su trong phòng nghỉ tại các nhà nghỉ, nhà trọ. Tăng cường tiếp cận điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng Methadone.

đ) Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của nhóm cộng tác viên, nhân viên tiếp cận cộng đồng các nhóm nguy cơ cao.

e) Tăng cường phát hiện sớm, hỗ trợ bảo hiểm y tế và điều trị ARV cho người nhiễm HIV.

g) Triển khai thực hiện Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con và Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2019.

h) Điều phối và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, trang thiết bị, thuốc, vật tư y tế phục vụ cho công tác dự phòng và điều trị HIV/AIDS.

i) Tập trung các hoạt động phòng chống HIV/AIDS tại các quận có số nhiễm HIV còn sống trên 100.000 dân cao như: Ninh Kiều, Cái Răng, Thốt Nốt.

## **II. VỀ HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH**

### **1. Thông tin, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi**

a) Phát huy năng lực của đội ngũ cộng tác viên phòng, chống HIV/AIDS xã, phường, thị trấn, trong các Trường Cao đẳng, Đại học... để tiếp tục thực hiện hiệu quả phong trào “Toàn dân tham gia phòng, chống HIV/AIDS tại cộng đồng dân cư” giai đoạn 2012 - 2020. Giám sát hỗ trợ quản lý chất lượng hoạt động cộng tác viên phòng, chống HIV/AIDS tại 100% xã, phường, thị trấn.

b) Cập nhật, nâng cao kiến thức và kỹ năng truyền thông thay đổi hành vi phòng, chống HIV/AIDS cho cộng tác viên nòng cốt tại các Trường Đại học, Cao đẳng, cộng tác viên phòng, chống HIV/AIDS và nhân viên tiếp cận cộng đồng.

c) Tổ chức các cuộc truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng trên nhóm phụ nữ bán dâm, nghiện chích ma túy và nam quan hệ tình dục đồng giới; lồng ghép truyền thông với tư vấn, tự xét nghiệm và xét nghiệm HIV, giang mai trong nhóm MSM tại cộng đồng, nam sinh viên các Trường Đại học, Cao đẳng.

d) Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông tại quận, huyện và xã, phường, thị trấn chưa đạt chỉ tiêu kiến thức cần thiết về HIV/AIDS.

đ) Thiết kế, in ấn các sản phẩm truyền thông với các thông điệp: quảng bá lợi ích của xét nghiệm HIV sớm, lợi ích việc tiếp cận điều trị ARV sớm, lợi ích của việc tham gia BHYT, lợi ích của việc duy trì điều trị Methadone,...

e) Triển khai và thực hiện tốt Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con và Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS năm 2019.

## **2. Can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV**

a) Nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của mạng lưới nhân viên tiếp cận cộng đồng.

b) Duy trì bền vững hiệu quả chương trình bơm kim tiêm và bao cao su; giám sát việc đặt bao cao su trong phòng nghỉ của khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ.

c) Chương trình điều trị Methadone:

- Duy trì 05 cơ sở điều trị Methadone và 05 cơ sở cấp phát thuốc; mở mới 01 điểm cấp phát thuốc ở huyện Cờ Đỏ;

- Chỉ đạo Ngành Y tế, Công an, Lao động - Thương binh và Xã hội tích cực phối hợp vận động người nghiện chích ma túy tham gia điều trị mới, đồng thời tìm kiếm và vận động các trường hợp bỏ điều trị quay lại điều trị;

- Điều tra, khảo sát người nghiện ma túy tại cộng đồng để tư vấn, chuyển gửi điều trị Methadone; đẩy mạnh việc tư vấn nhóm bệnh nhân và gia đình hỗ trợ bệnh nhân duy trì điều trị Methadone;

- Triển khai hệ thống quản lý thông tin điều trị Methadone quốc gia;

- Tăng cường năng lực cho tư vấn viên tư vấn tuân thủ điều trị.

## **3. Giám sát HIV/AIDS và tư vấn xét nghiệm HIV**

a) Tiếp tục ước tính quần thể nguy cơ cao và dự báo dịch HIV/AIDS trên địa bàn, thực hiện Giám sát trọng điểm HIV/STI lồng ghép giám sát hành vi.

b) Triển khai giám sát và hỗ trợ kỹ thuật các hoạt động về theo dõi và đánh giá chương trình, giám sát nâng cao chất lượng báo cáo số liệu dịch HIV/AIDS.

c) Thu thập và cập nhật số liệu về chỉ tiêu thống kê theo dõi, đánh giá công tác phòng, chống HIV/AIDS.

d) Duy trì hoạt động của 09 phòng tư vấn xét nghiệm HIV. Tăng cường triển khai tư vấn xét nghiệm HIV lưu động, tự xét nghiệm trên nhóm MSM và phụ nữ mại dâm; hoạt động tư vấn xét nghiệm HIV của 22 cơ sở tuyến xã, phường, thị trấn.

đ) Có 02 phòng xét nghiệm khẳng định HIV tuyến quận, huyện được công nhận; duy trì hệ thống quản lý chất lượng phòng xét nghiệm.

e) Tập huấn nâng cao năng lực cho nhân viên tại các cơ sở xét nghiệm và tăng cường hỗ trợ kỹ thuật tư vấn xét nghiệm tại cơ sở y tế và cộng đồng.

## **3. Chăm sóc và điều trị HIV/AIDS**

a) Đưa vào điều trị ARV mới ít nhất 250 người nhiễm HIV, đến cuối năm 2019 có ít nhất 2.870 bệnh nhân đang điều trị ARV (trong đó có 140 trẻ em).

b) Tăng cường tư vấn tuân thủ điều trị, đảm bảo duy trì điều trị cho bệnh nhân đang điều trị ARV; khuyến khích người nhiễm HIV/AIDS mua và sử dụng thẻ BHYT.

c) Tiếp tục mua BHYT cho người nhiễm HIV/AIDS đủ điều kiện được hỗ trợ BHYT theo Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND.

d) Rà soát, tìm kiếm, tiếp cận và tư vấn các trường hợp người nhiễm HIV còn ngoài cộng đồng để hỗ trợ về BHYT và điều trị ARV; tăng cường năng lực cho đội ngũ tư vấn viên để tư vấn bệnh nhân tuân thủ điều trị.

đ) Triển khai sử dụng thuốc ARV qua nguồn BHYT tại các phòng khám HIV; Hướng dẫn triển khai thanh toán chi phí xét nghiệm tải lượng HIV qua BHYT.

#### **4. Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con**

a) Đảm bảo trên 95% phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV; 90% phụ nữ mang thai nhiễm HIV và 95% trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm HIV được điều trị PLTMC; đảm bảo duy trì tỷ lệ lây truyền HIV từ mẹ sang con <3%.

b) Thực hiện tư vấn xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai tại 100% xã, phường, thị trấn.

c) Tăng cường công tác tư vấn nuôi con an toàn cho bà mẹ nhiễm HIV.

Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo đến Hội đồng nhân dân thành phố./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như trên;
- TT. Thành ủy;
- CT, PCTUBNDTP (1AB);
- Sở Y tế;
- VP UBNDTP (3AC);
- Lưu: VT, Hành

CVD 15794

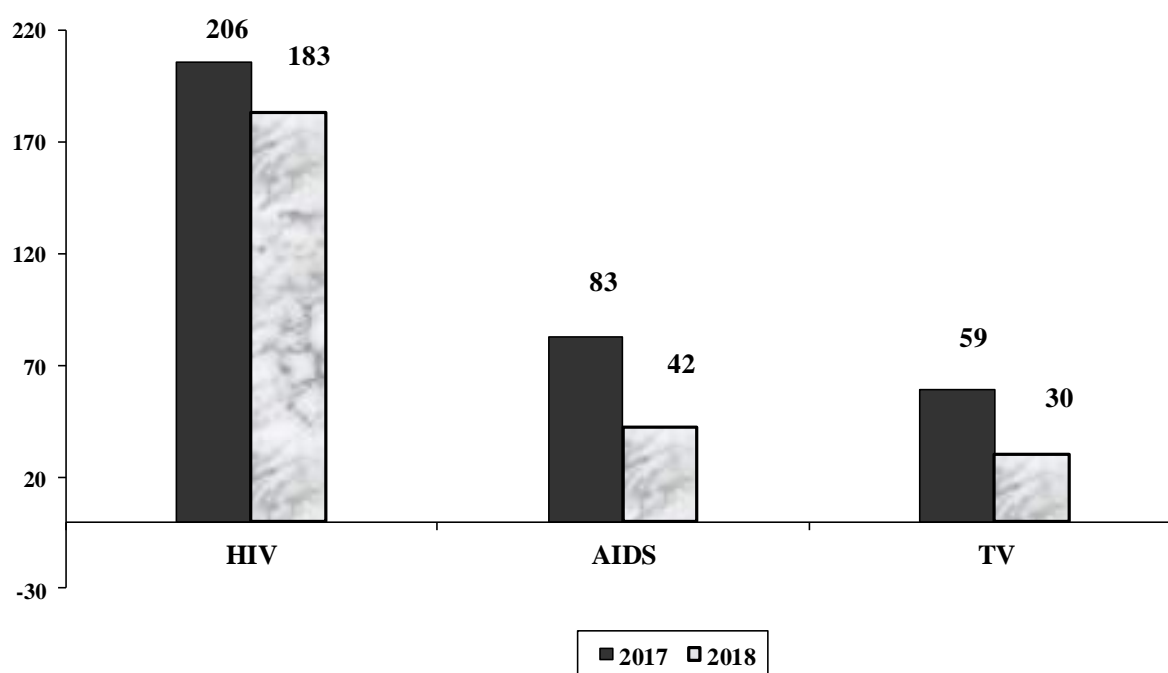
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Võ Thành Thống**



**Phụ lục 1a**  
**Bảng số liệu HIV/AIDS theo quận, huyện đến ngày 31/10/2018**

TT	Quận, huyện	Nhiễm HIV phát hiện được			Phân tích số liệu lũy tích từ đầu vụ dịch					
		10th năm 2017	10th năm 2018	Ước 31/12/ 2018	HIV	AIDS còn sống	Tử vong	HIV còn sống		
								Quản lý được	Chưa xác định	Cộng
1	Ninh Kiều	59	49	62	2.251	809	851	1.048	352	1.400
2	Cái Răng	22	32	35	633	258	272	355	6	361
3	Bình Thủy	15	19	21	599	290	239	329	31	360
4	Thốt Nốt	29	17	19	980	494	403	536	41	577
5	Ô Môn	25	20	24	452	196	186	261	5	266
6	Phong Điền	24	12	14	307	150	125	182	-	182
7	Thới Lai	12	14	15	291	134	121	170	-	170
8	Cờ Đỏ	8	13	14	260	116	106	141	13	154
9	Vĩnh Thạnh	12	7	8	279	121	139	140	-	140
<b>Tổng cộng</b>		<b>206</b>	<b>183</b>	<b>212</b>	<b>6.052</b>	<b>2.568</b>	<b>2.442</b>	<b>3.162</b>	<b>448</b>	<b>3.610</b>



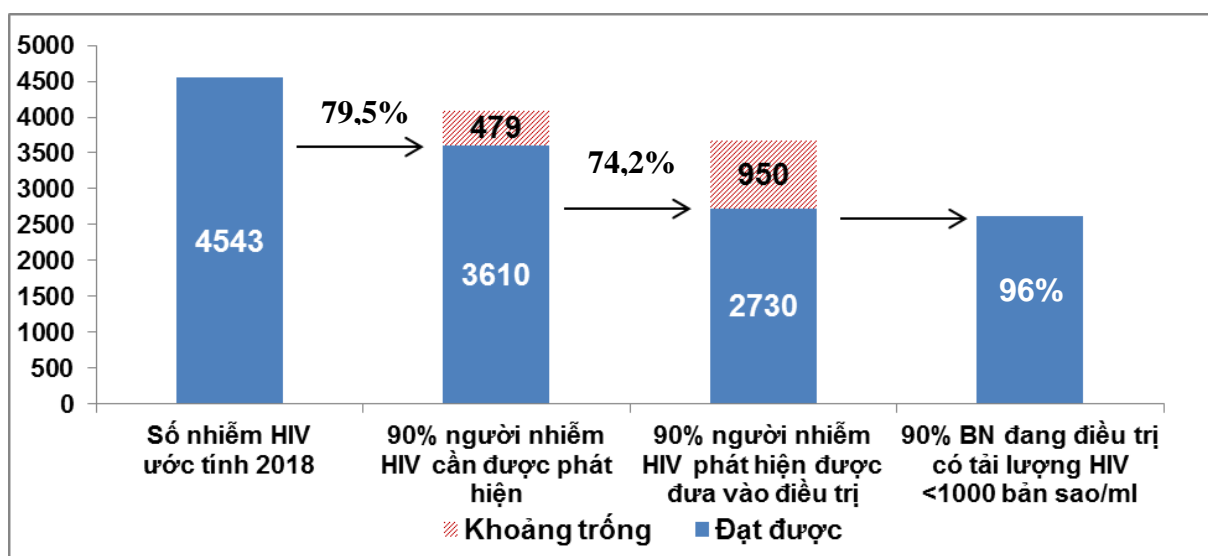
*Biểu đồ 1: Tình hình nhiễm HIV/AIDS và tử vong so sánh cùng kỳ 2017-2018*

**Phụ lục 1b**  
**Số liệu thực hiện 10 tháng và ước thực hiện 12 tháng năm 2018**

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số liệu năm 2018	
			10 tháng	Ước cả năm
1	Lũy tích số người nhiễm HIV phát hiện được	người	6.052	6.091
2	Lũy tích số tử vong	người	2.442	2.452
3	Lũy tích số người nhiễm HIV còn sống	người	3.610	3.639
3.1	<i>quản lý được</i>	trường hợp	3.162	3.191
3.2	<i>chưa xác định</i>	trường hợp	448	448
4	Số người nhiễm HIV phát hiện mới	người	183	212
5	Số chuyển sang AIDS	người	42	52
6	Số tử vong	người	30	35
7	Mục tiêu 90% người nhiễm HIV biết được tình trạng nhiễm của bản thân	%	79,5%	80,2%
8	Mục tiêu 90% người chẩn đoán nhiễm HIV được điều trị ARV	%	74,2%	77%
9	Mục tiêu 90% người nhiễm HIV điều trị ARV có tải lượng vi rút dưới ngưỡng lây truyền	%	Dự kiến đạt 96% có tải lượng virus dưới ngưỡng	96%
10	Phân phát bơm kim tiêm sạch	chiếc	150.579	180.600
11	Phu nhật tiêu hủy bơm kim tiêm bẩn	chiếc	119.632	143.500
12	Tỷ lệ cơ sở khách sạn, nhà nghỉ, nhà trọ có đặt bao cao su tại phòng nghỉ	%	95,7%	96%
13	Phân phát bao cao su miễn phí cho các đối tượng nguy cơ cao	chiếc	150.579	180.600
14	Tiếp thị xã hội chiếc bao cao su	chiếc	9.858	11.900
15	Số người đang được điều trị Methadone	người	411	510
16	Số khách hàng được tư vấn xét nghiệm HIV	người	12.752	15.320
17	Số mẫu xét nghiệm tế bào CD4	mẫu	2.194	2.630
18	Gửi mẫu đến Viện Pasteur TP.HCM để xét nghiệm tải lượng virus	mẫu	1.822	2.730
19	Xét nghiệm sàng lọc HIV	mẫu	154.992	185.900
20	Số bệnh nhân mới được điều trị ARV	bệnh nhân	310	332
21	Lũy tích số bệnh nhân đang điều trị ARV	bệnh nhân	2.730	2.835
	<i>Trong đó, trẻ em</i>	trẻ	125	135
22	Tư vấn xét nghiệm HIV cho phụ nữ mang thai	%	96,8%	98%

**Phụ lục 2**  
**Bảng số liệu mô hình đa bậc mục tiêu 90-90-90 tại thành phố Cần Thơ**

	Số nhiễm HIV còn sống ước tính năm 2018	90% người nhiễm HIV cần được phát hiện	90% người nhiễm HIV phát hiện được đưa vào điều trị	90% BN đang điều trị có tải lượng HIV <1000 bản sao/ml
Đã đạt được	4.543 (Ước)	3.610	2.730	-
Với số nhiễm HIV ước tính là 4.543, so với mục tiêu 90-90-90, phải đạt:		4.089	3.680	3.312
<i>Khoảng trống</i>	-	479	950	-
Hiện tại, thành phố Cần Thơ đã đạt:		3.610	2.730	-
		<b>79,5%</b> (3.610/4.543)	<b>74,2%</b> (2.730/3.680)	<b>96%</b>
Ước thực hiện đến ngày 31/12/2018		<b>80,2%</b> (3.644/4.543)	<b>77%</b> (2.835/3.680)	<b>96%</b>



*Biểu đồ 2: Mô hình đa bậc mục tiêu 90-90-90 tại thành phố Cần Thơ*

**Phụ lục 3**  
**Bảng số liệu điều trị Methadone quận, huyện**

TT	Quận, huyện	Số duy trì điều trị đến 12/2017	Chỉ tiêu năm 2018	Thực hiện đến ngày 31/10/2018				Ước thực hiện đến ngày 31/12/2018	
				Đưa vào điều trị mới	Tổng số đưa vào điều trị	Duy trì điều trị	Đạt (%)	Duy trì điều trị	Đạt (%)
1	Ninh Kiều	195	255	7	508	170	76,7%	191	74,9%
2	Cái Răng	74	94	3	199	66	70,2%	82	87,2%
3	Bình Thủy	25	35	2	89	26	74,3%	28	80%
4	Ô Môn	45	60	1	113	34	56,7%	52	86,7%
5	Thốt Nốt	64	70	6	116	54	77,1%	72	102,8%
6	Phong Điền	16	28	2	39	17	60,8%	24	85,7%
7	Thới Lai	14	16	1	40	14	87,5%	17	106,3%
8	Cờ Đỏ	10	12	0	39	9	75%	12	100%
9	Vĩnh Thạnh	27	30	2	65	20	66,7%	32	106,7%
10	Ngoài tỉnh	1	-	3	10	1	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>		<b>471</b>	<b>600</b>	<b>27</b>	<b>1.218</b>	<b>411</b>	<b>68,5%</b>	<b>510</b>	<b>85%</b>

**Phụ lục 4**  
**Bảng số liệu điều trị ARV tại các phòng khám HIV**

TT	Phòng khám	Thực hiện 10 tháng năm 2018	Tổng số đang điều trị	Ước tính đến ngày 31/12/2018	
				Điều trị mới	Tổng số điều trị
1	Bệnh viện ĐKTP	86	827	90	830
2	Bệnh viện Nhi đồng	6	114	7	115
3	TTYT Q.Cái Răng	66	546	70	550
4	BVĐK Q.Ô Môn	36	309	40	402
5	BVĐK Q.Thốt Nốt	31	547	35	550
6	TTYT Q. Bình Thủy	70	269	75	270
7	Bệnh viện quân Y 121	15	118	15	118
<b>Tổng cộng</b>		<b>310</b>	<b>2.730</b>	<b>332</b>	<b>2.835</b>

**Phụ lục 5**  
**Bảng tổng hợp và so sánh kinh phí từ năm 2013 đến 2018**

*ĐV tính: Ngàn đồng*

Nguồn kinh phí	Năm					
	2013	2014	2015	2016	2017	2018
<b>Tổng kinh phí</b>	<b>24.284.729</b>	<b>16.301.381</b>	<b>14.560.330</b>	<b>11.851.278</b>	<b>13.289.630</b>	<b>15.413.835</b>
		Giảm 7 tỷ 983 triệu so với 2013	Giảm 1 tỷ 741 triệu so với 2014	Giảm 2 tỷ 709 triệu so với 2015	Tăng 1 tỷ 438 triệu so với 2016	Tăng 2 tỷ 124 triệu so với 2017
<b>Kinh phí địa phương</b>	<b>3.113.060</b>	<b>4.280.000</b>	<b>6.997.770</b>	<b>7.746.000</b>	<b>9.297.180</b>	<b>9.378.000</b>
		Tăng 1 tỷ 167 triệu so với 2013	Tăng 2 tỷ 718 triệu so với 2014	Tăng 748 triệu so với 2015	Tăng 1 tỷ 551 triệu so với 2016	Tăng 81 triệu so với 2017
<i>Thường xuyên</i>	2.354.000	2.880.000	3.310.000	3.841.000	4.608.000	4.608.000
		Tăng 526 triệu so với 2013	Tăng 430 triệu so với 2014	Tăng 531 triệu so với 2015	Tăng 767 triệu so với 2016	Không tăng giảm so với 2017
<i>Hoạt động</i>	759.060	1.400.000	3.486.290	3.700.000	4.430.000	4.500.000
		Tăng 641 triệu so với 2013	Tăng 2 tỷ 86 triệu so với 2014	Tăng 214 triệu so với 2015	Tăng 730 triệu so với 2016	Tăng 70 triệu so với 2017
<i>Cộng tác viên phường, xã</i>			201.480	205.000	259.180	270.000
<b>Kinh phí Trung ương</b>	<b>2.677.000</b>	<b>852.000</b>	<b>937.000</b>	<b>380.000</b>	<b>600.000</b>	<b>600.000</b>
		Giảm 1 tỷ 825 triệu so với 2013	Tăng 85 triệu so với 2014	Giảm 557 triệu so với 2015	Tăng 220 triệu so với 2016	Không tăng giảm so với 2017
<b>Dự án hợp tác quốc tế</b>	<b>18.494.669</b>	<b>11.169.381</b>	<b>6.625.560</b>	<b>3.725.278</b>	<b>3.392.450</b>	<b>4.739.962</b>
		Giảm 7 tỷ 325 triệu so với 2013	Giảm 4 tỷ 544 triệu so với 2014	Giảm 2 tỷ 900 triệu so với 2015	Giảm 333 triệu so với 2016	Tăng 2 tỷ 043 triệu so với 2017
<i>WB</i>	3.766.391	-	-	-	-	-
<i>Quỹ toàn cầu</i>	2.491.466	2.134.776	1.653.521	961.143	1.055.233	2.934.387
<i>Life-gap</i>	3.272.650	-	-	-	-	-
<i>VAAC-US.CDC</i>	2.655.184	3.994.917	2.765.587	2.175.687	853.162	1.313.330
<i>FHI 360</i>	4.328.878	4.091.940	1.754.690	237.400	242.414	281.045
<i>PSI</i>	282.100	-	-	-	-	-
<i>WWO</i>					104.200	211.200
<b>Nguồn khác</b>	<b>1.698.000</b>	<b>947.748</b>	<b>451.762</b>	<b>351.048</b>	<b>1.137.441</b>	<b>695.873</b>

**Tỷ lệ các nguồn kinh phí năm 2018 và tình hình sử dụng kinh phí**

TT	Nguồn	Kế hoạch	Chiếm	Đến 31/10/2018		Ước đến 31/12/2018	
				Sử dụng	Đạt	Sử dụng	Đạt
1	Địa phương	9.378.000	60,8%	5.623.043	60%	9.295.840	99%
	<i>Kinh phí Đề án Bảo đảm tài chính</i>	9.108.000		5.428.449	59,6%	9.025.840	99%
	<i>Kinh phí cộng tác viên</i>	270.000		194.594	72,1%	270.000	100%
2	Trung ương	600.000	3,9%	329.548	54,9%	588.000	98%
3	Các dự án hợp tác quốc tế	4.739.962	30,8%	1.960.480	41,4%	4.322.450	91,2%
	<i>Quỹ toàn cầu HIV/AIDS</i>	2.934.387		809.152	27,6%	2.760.000	94,1%
	<i>VAAC-US.CDC</i>	1.313.330		825.474	62,9%	1.133.300	86%
	<i>SHIFT (FHI 360)</i>	281.045		185.619	66%	277.950	98,9%
	<i>WWO</i>	211.200		140.235	66,4%	211.200	100%
4	Khác (WHO, Viện Pasteur TP.HCM)	695.873	4,5%	559.690	80,4%	690.000	99%
<b>Tổng cộng</b>		<b>15.413.835</b>	<b>100%</b>	<b>8.472.761</b>	<b>55%</b>	<b>14.896.290</b>	<b>96,6%</b>

**Phụ lục 6**  
**Tổng hợp kinh phí thực hiện Đề án "Bảo đảm tài chính cho các hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2013 - 2020"**

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm					
		2014	2015	2016	2017	2018	Ước đến ngày 31/12/2018
1	<b>Kinh phí cam kết theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 11/7/2014</b>	4.563	7.281	7.281	7.281		7.281
2	<b>Thực tế được cấp</b>						
	<i>Thường xuyên</i>	2.880	3.310	3.841	4.608	4.608	4.608
	<i>Hoạt động</i>	1.400	3.486	3.700	4.430	4.500	4.500
	<b>Cộng</b>	<b>4.280</b>	<b>6.796</b>	<b>7.541</b>	<b>9.038</b>	<b>9.108</b>	<b>9.108</b>
3	<b>Sử dụng</b>						
	<i>Thường xuyên</i>	2.880	3.310	3.841	4.608	3.403	4.608
	<i>Hoạt động</i>	1.399	3.464	3.600	4.388	2.025	4.000
	<b>Cộng</b>	<b>4.279</b>	<b>6.774</b>	<b>7.441</b>	<b>8.996</b>	<b>5.428</b>	<b>8.608</b>
	<b>Tỷ lệ giải ngân</b>	100,00%	99,70%	98,70%	99,50%	59,60%	94,51%